

QUYẾT ĐỊNH

Về việc xét công nhận trình độ ngoại ngữ trong chương trình đào tạo sau đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

Căn cứ Quyết định 26/2014/QĐ-TTg ngày 26/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định 867/QĐ-ĐHQG ngày 17/8/2016 của Đại học Quốc gia TP.HCM về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học thành viên và khoa trực thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định 170/QĐ-ĐHQG ngày 27/02/2018 của Đại học Quốc gia TP.HCM về việc ban hành Quy chế chuẩn trình độ ngoại ngữ tại Đại học Quốc gia TP.HCM;

Căn cứ Công văn 1885/ĐHQG-ĐH ngày 28/9/2018 của Đại học Quốc gia TP.HCM về việc hướng dẫn triển khai thực hiện Quy chế chuẩn trình độ ngoại ngữ tại ĐHQG-HCM;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh sách học viên cao học, khóa năm 2020, đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ trong chương trình đào tạo sau đại học, gồm **118** học viên có tên trong danh sách đính kèm Quyết định này.

Điều 2. Học viên cao học có tên tại Điều 1 đã đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ trong chương trình đào tạo sau đại học theo qui chế đào tạo hiện hành của ĐHQG-HCM và Trường ĐH Khoa học Tự nhiên.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Đơn vị liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Website: sdh.hcmus.edu.vn;
- Lưu VT, SDH.



Trần Lê Quan

**DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC XÉT CÔNG NHẬN
CHUẨN NGOẠI NGỮ ĐẦU RA SAU ĐẠI HỌC**

(Đính kèm quyết định số 303 /QĐ-KHTN, ngày 26/02/2021 của Trường ĐH Khoa học Tự nhiên)

STT	Họ tên	Ngày sinh	Ngành	Khóa	Bậc ĐT	Ngoại ngữ	Kết quả
1	Huỳnh Trúc Duy	14/06/1991	Toán ứng dụng	30/2020	Cao học	Cử nhân Ngôn ngữ Anh	
2	Nguyễn Bình Bảo Quyên	25/12/1979	Sinh thái học	30/2020	Cao học	Cử nhân Ngữ văn Anh	
3	Trần Thị Lệ Hoa	05/09/1997	Toán ứng dụng - Giáo dục toán học	30/2020	Cao học	HSK cấp độ 3	278
4	Nguyễn Thị Hồng Liên	10/09/1996	Hóa hữu cơ	30/2020	Cao học	HSK cấp độ 4	236
5	Huỳnh Vinh Đức	03/04/1994	Hóa phân tích	30/2020	Cao học	HSK cấp độ 5	263
6	Nguyễn Ngọc Sơn An	26/10/1995	Cơ sở toán cho tin học - Khoa học dữ liệu	30/2020	Cao học	IELTS	6
7	Thái Văn Lộc	02/09/1996	HHC - Giảng dạy hóa học thực nghiệm	30/2020	Cao học	IELTS	5.5
8	Trần Tuấn Minh	18/09/1996	Toán ứng dụng	30/2020	Cao học	IELTS	7
9	Lê Bảo Ngọc	12/05/1997	Vi sinh vật học	30/2020	Cao học	IELTS	5
10	Trần Nhân	09/09/1991	Công nghệ sinh học	30/2020	Cao học	IELTS	6.5
11	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	26/10/1996	Di truyền học	30/2020	Cao học	IELTS	6.5
12	Đinh Thị Nữ	01/08/1992	Cơ sở toán cho tin học - Khoa học dữ liệu	30/2020	Cao học	IELTS	5
13	Tăng Chí Thành	27/09/1995	Cơ sở toán cho tin học - Khoa học dữ liệu	30/2020	Cao học	IELTS	7
14	Trần Anh Tín	01/10/1997	Công nghệ sinh học	30/2020	Cao học	IELTS	7
15	Cao Lê Trâm Anh	31/07/1997	Công nghệ sinh học	30/2020	Cao học	Tốt nghiệp CTĐT bằng tiếng Anh	
16	Trần Mạnh Chánh Quân	19/07/1992	Cơ sở toán cho tin học - Khoa học dữ liệu	30/2020	Cao học	Tốt nghiệp tại nước ngoài	
17	Bùi Tú Anh	27/05/1997	Khoa học máy tính	30/2020	Cao học	VNU-EPT	265
18	Nguyễn Cảnh Bình	01/11/1997	Hóa sinh học	30/2020	Cao học	VNU-EPT	229
19	Nguyễn Thành Chung	19/06/1997	Khoa học máy tính	30/2020	Cao học	VNU-EPT	236
20	Hồ Xuân Dũng	24/09/1997	Khoa học máy tính	30/2020	Cao học	VNU-EPT	259

**DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC XÉT CÔNG NHẬN
CHUẨN NGOẠI NGỮ ĐẦU RA SAU ĐẠI HỌC**

(Đính kèm quyết định số 303 /QĐ-KHTN, ngày 26/02/2021 của Trường ĐH Khoa học Tự nhiên)

STT	Họ tên	Ngày sinh	Ngành	Khóa	Bậc ĐT	Ngoại ngữ	Kết quả
21	Phạm Đình Duy	09/11/1997	Cơ sở toán cho tin học - Khoa học dữ liệu	30/2020	Cao học	VNU-EPT	215
22	Trần Thanh Hoàng	07/09/1997	Toán ứng dụng - Giáo dục toán học	30/2020	Cao học	VNU-EPT	259
23	Lê Bá Ngân	01/06/1997	Cơ sở toán cho tin học - Khoa học dữ liệu	30/2020	Cao học	VNU-EPT	239
24	Nguyễn Thị Kim Phương	22/04/1997	Công nghệ sinh học	30/2020	Cao học	VNU-EPT	213
25	Nguyễn Hồ Toàn Thư	12/11/1997	Hệ thống thông tin	30/2020	Cao học	VNU-EPT	275
26	Văn Khải Nguyên	01/04/1981	Khoa học máy tính	30/2020	Cao học	TOEIC (Listening & Reading)	695
	Văn Khải Nguyên	01/04/1981	Khoa học máy tính	30/2020	Cao học	TOEIC (Speaking & Writing)	270
27	Trần Thị Nhật Nguyên	01/01/1997	Vi sinh vật học	30/2020	Cao học	TOEIC (Listening & Reading)	525
	Trần Thị Nhật Nguyên	01/01/1997	Vi sinh vật học	30/2020	Cao học	2 kỹ năng Nói - Viết	228
28	Nguyễn Yến Nhi	25/07/1997	Công nghệ sinh học	30/2020	Cao học	TOEIC (Listening & Reading)	505
	Nguyễn Yến Nhi	25/07/1997	Công nghệ sinh học	30/2020	Cao học	2 kỹ năng Nói - Viết	203.5
29	Đinh Nguyễn Bá Tài	25/12/1997	Khoa học máy tính	30/2020	Cao học	TOEIC (Listening & Reading)	460
	Đinh Nguyễn Bá Tài	25/12/1997	Khoa học máy tính	30/2020	Cao học	2 kỹ năng Nói - Viết	216.5
30	Trần Quang Thảo Vy	16/03/1997	Vi sinh vật học	30/2020	Cao học	TOEIC (Listening & Reading)	805
	Trần Quang Thảo Vy	16/03/1997	Vi sinh vật học	30/2020	Cao học	2 kỹ năng Nói - Viết	298.5
31	Nguyễn Lê Quốc Bảo	06/08/1996	Vật lý kỹ thuật - Giảng dạy vật lý thực nghiệm	30/2020	Cao học	Cambridge English (FCE)	
32	Võ Thị Ý Nhi	04/11/1997	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	30/2020	Cao học	Cambridge English (PET)	
33	Trần Văn Hoàng	29/06/1991	SHTN - Giảng dạy sinh học thực nghiệm	30/2020	Cao học	Cử nhân Ngôn ngữ Anh	
34	Đặng Vinh Quang	25/08/1988	Quản lý tài nguyên và môi trường	30/2020	Cao học	HSK cấp độ 3	280
35	Nguyễn Hà Minh Anh	07/08/1994	Khoa học máy tính	30/2020	Cao học	IELTS	5.5

**DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC XÉT CÔNG NHẬN
CHUẨN NGOẠI NGỮ ĐẦU RA SAU ĐẠI HỌC**

(Đính kèm quyết định số 303 /QĐ-KHTN, ngày 26/02/2021 của Trường ĐH Khoa học Tự nhiên)

STT	Họ tên	Ngày sinh	Ngành	Khóa	Bậc ĐT	Ngoại ngữ	Kết quả
36	Nguyễn Hải Đăng	07/04/1998	Khoa học vật liệu	30/2020	Cao học	IELTS	6.5
37	Vũ Trung Hiếu	02/10/1998	Công nghệ sinh học	30/2020	Cao học	IELTS	7
38	Kim Nhật Huy	08/12/1997	Quang học	30/2020	Cao học	IELTS	6
39	Huỳnh Thụy Đoan Khanh	23/02/1998	Vật lý VT&ĐT - Vật lý điện tử Ứng dụng	30/2020	Cao học	IELTS	6.5
40	Nguyễn Thị Trà My	13/07/1998	SHTN - Sinh lý động vật	30/2020	Cao học	IELTS	6.5
41	Phạm Duy Nam	10/08/1992	Toán ứng dụng	30/2020	Cao học	IELTS	4.5
42	Nguyễn Thanh Ngân	27/12/1996	Vi sinh vật học	30/2020	Cao học	IELTS	6.5
43	Lê Thanh Ngọc	22/06/1998	Khoa học máy tính	30/2020	Cao học	IELTS	7
44	Lê Phương Thi	25/10/1998	Khoa học môi trường	30/2020	Cao học	IELTS	6.5
45	Nguyễn Thái Minh Trận	12/11/1997	Công nghệ sinh học	30/2020	Cao học	IELTS	6
46	Phạm Cao Huyền Trang	03/02/1997	Khoa học vật liệu	30/2020	Cao học	IELTS	5.5
47	Hồ Lai Tuấn	20/06/1992	Khoa học máy tính	30/2020	Cao học	IELTS	5.5
48	Huỳnh Thế Vinh	28/07/1998	Hóa sinh học	30/2020	Cao học	IELTS	5.5
49	Đặng Thảo Vy	19/11/1998	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	30/2020	Cao học	IELTS	7.5
50	Nguyễn Trần Khánh Vy	15/11/1998	Công nghệ sinh học	30/2020	Cao học	IELTS	6.5
51	Nguyễn Duy Minh Khôi	10/10/1997	Cơ sở toán cho tin học - Khoa học dữ liệu	30/2020	Cao học	TOEFL iBT	95
52	Trần Vũ Đông	01/02/1998	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	30/2020	Cao học	TOEIC (Listening & Reading)	520
	Trần Vũ Đông	01/02/1998	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	30/2020	Cao học	2 kỹ năng Nói - Viết	288
53	Lê Thị Hoa	22/02/1998	Hóa hữu cơ	30/2020	Cao học	TOEIC (Listening & Reading)	745
	Lê Thị Hoa	22/02/1998	Hóa hữu cơ	30/2020	Cao học	2 kỹ năng Nói - Viết	256

**DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC XÉT CÔNG NHẬN
CHUẨN NGOẠI NGỮ ĐẦU RA SAU ĐẠI HỌC**

(Đính kèm quyết định số 303 /QĐ-KHTN, ngày 26/02/2021 của Trường ĐH Khoa học Tự nhiên)

STT	Họ tên	Ngày sinh	Ngành	Khóa	Bậc ĐT	Ngoại ngữ	Kết quả
54	Huỳnh Trọng Kha	16/02/1998	Khoa học vật liệu	30/2020	Cao học	TOEIC (Listening & Reading)	480
	Huỳnh Trọng Kha	16/02/1998	Khoa học vật liệu	30/2020	Cao học	2 kỹ năng Nói - Viết	272
55	Lê Minh Kha	13/07/1998	Hóa lý thuyết và hóa lý	30/2020	Cao học	TOEIC (Listening & Reading)	655
	Lê Minh Kha	13/07/1998	Hóa lý thuyết và hóa lý	30/2020	Cao học	2 kỹ năng Nói - Viết	217.5
56	Hồ Phú Khánh	02/11/1997	Vi sinh vật học	30/2020	Cao học	TOEIC (Listening & Reading)	660
	Hồ Phú Khánh	02/11/1997	Vi sinh vật học	30/2020	Cao học	2 kỹ năng Nói - Viết	258.5
57	Hà Thị Thu Loan	15/04/1998	Khoa học vật liệu	30/2020	Cao học	TOEIC (Listening & Reading)	500
	Hà Thị Thu Loan	15/04/1998	Khoa học vật liệu	30/2020	Cao học	2 kỹ năng Nói - Viết	231
58	Lê Đăng Mạnh	23/06/1996	Vật lý VT&ĐT - Vật lý điện tử Ứng dụng	30/2020	Cao học	TOEIC (Listening & Reading)	465
	Lê Đăng Mạnh	23/06/1996	Vật lý VT&ĐT - Vật lý điện tử Ứng dụng	30/2020	Cao học	2 kỹ năng Nói - Viết	246
59	Phan Trọng Nghĩa	18/01/1997	Vật lý VT&ĐT - Vật lý điện tử Ứng dụng	30/2020	Cao học	TOEIC (Listening & Reading)	490
	Phan Trọng Nghĩa	18/01/1997	Vật lý VT&ĐT - Vật lý điện tử Ứng dụng	30/2020	Cao học	2 kỹ năng Nói - Viết	236
60	Nguyễn Thị Ngọc Như	19/09/1998	SHTN - Sinh lý động vật	30/2020	Cao học	TOEIC (Listening & Reading)	590
	Nguyễn Thị Ngọc Như	19/09/1998	SHTN - Sinh lý động vật	30/2020	Cao học	2 kỹ năng Nói - Viết	231
61	Đỗ Trần Quế Phương	10/01/1996	Khoa học vật liệu	30/2020	Cao học	TOEIC (Listening & Reading)	695
	Đỗ Trần Quế Phương	10/01/1996	Khoa học vật liệu	30/2020	Cao học	2 kỹ năng Nói - Viết	225.5
62	Huỳnh Lâm Phú Sĩ	29/03/1998	Hệ thống thông tin	30/2020	Cao học	TOEIC (Listening & Reading)	535
	Huỳnh Lâm Phú Sĩ	29/03/1998	Hệ thống thông tin	30/2020	Cao học	2 kỹ năng Nói - Viết	211
63	Lê Huỳnh Sơn	23/09/1998	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	30/2020	Cao học	TOEIC (Listening & Reading)	830
	Lê Huỳnh Sơn	23/09/1998	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	30/2020	Cao học	2 kỹ năng Nói - Viết	284

**DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC XÉT CÔNG NHẬN
CHUẨN NGOẠI NGỮ ĐẦU RA SAU ĐẠI HỌC**

(Đính kèm quyết định số 303 /QĐ-KHTN, ngày 26/2/2021 của Trường ĐH Khoa học Tự nhiên)

STT	Họ tên	Ngày sinh	Ngành	Khóa	Bậc ĐT	Ngoại ngữ	Kết quả
64	Nguyễn Tấn Sơn	19/04/1998	Khoa học máy tính	30/2020	Cao học	TOEIC (Listening & Reading)	635
	Nguyễn Tấn Sơn	19/04/1998	Khoa học máy tính	30/2020	Cao học	2 kỹ năng Nói - Viết	210.5
65	Huỳnh Ngọc Đan Thanh	03/05/1997	Hệ thống thông tin	30/2020	Cao học	TOEIC (Listening & Reading)	655
	Huỳnh Ngọc Đan Thanh	03/05/1997	Hệ thống thông tin	30/2020	Cao học	2 kỹ năng Nói - Viết	217
66	Từ Khởi Thành	08/07/1997	Hóa sinh học	30/2020	Cao học	TOEIC (Listening & Reading)	690
	Từ Khởi Thành	08/07/1997	Hóa sinh học	30/2020	Cao học	2 kỹ năng Nói - Viết	231
67	Huỳnh Thanh Thảo	01/01/1997	Di truyền học	30/2020	Cao học	TOEIC (Listening & Reading)	490
	Huỳnh Thanh Thảo	01/01/1997	Di truyền học	30/2020	Cao học	2 kỹ năng Nói - Viết	276
68	Nguyễn Lê Mỹ Thuận	12/05/1998	Khoa học môi trường	30/2020	Cao học	TOEIC (Listening & Reading)	555
	Nguyễn Lê Mỹ Thuận	12/05/1998	Khoa học môi trường	30/2020	Cao học	2 kỹ năng Nói - Viết	207.5
69	Ngô Lương Đăng Thức	27/10/1995	Công nghệ sinh học	30/2020	Cao học	TOEIC (Listening & Reading)	760
	Ngô Lương Đăng Thức	27/10/1995	Công nghệ sinh học	30/2020	Cao học	2 kỹ năng Nói - Viết	215
70	Nguyễn Đoàn Thanh Thủy	01/06/1998	Hóa vô cơ	30/2020	Cao học	TOEIC (Listening & Reading)	470
	Nguyễn Đoàn Thanh Thủy	01/06/1998	Hóa vô cơ	30/2020	Cao học	2 kỹ năng Nói - Viết	223
71	Nguyễn Ngọc Bích Trâm	28/01/1997	Quản lý tài nguyên và môi trường	30/2020	Cao học	TOEIC (Listening & Reading)	505
	Nguyễn Ngọc Bích Trâm	28/01/1997	Quản lý tài nguyên và môi trường	30/2020	Cao học	2 kỹ năng Nói - Viết	225
72	Trần Thị Thanh Vinh	19/07/1998	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	30/2020	Cao học	TOEIC (Listening & Reading)	545
	Trần Thị Thanh Vinh	19/07/1998	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	30/2020	Cao học	2 kỹ năng Nói - Viết	232
73	Nghiêm Thị Thanh Ngọc	06/03/1990	Cơ sở toán cho tin học - Khoa học dữ liệu	30/2020	Cao học	Tốt nghiệp CTĐT bằng tiếng Anh	
74	Phạm Nguyễn Hồng Ngọc	23/01/1997	Công nghệ sinh học	30/2020	Cao học	Tốt nghiệp CTĐT bằng tiếng Anh	

**DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC XÉT CÔNG NHẬN
CHUẨN NGOẠI NGỮ ĐẦU RA SAU ĐẠI HỌC**

(Đính kèm quyết định số 303 /QĐ-KHTN, ngày 26/02/2021 của Trường ĐH Khoa học Tự nhiên)

STT	Họ tên		Ngày sinh	Ngành	Khóa	Bậc ĐT	Ngoại ngữ	Kết quả
75	Nguyễn Thị Thu	Thảo	03/07/1994	Cơ sở toán cho tin học - Khoa học dữ liệu	30/2020	Cao học	Tốt nghiệp CTĐT bằng tiếng Anh	
76	Võ Văn	Tiên	02/02/1994	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	30/2020	Cao học	Tốt nghiệp tại nước ngoài	
77	Hoàng Ngọc	Hiếu	21/01/1995	Sinh thái học	30/2020	Cao học	Tốt nghiệp tại nước ngoài	
78	Huỳnh Quốc	Thái	01/05/1991	SHTN - Sinh lý động vật	30/2020	Cao học	Tốt nghiệp tại nước ngoài	
79	Phạm Công	Thái	26/04/1995	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	30/2020	Cao học	Tốt nghiệp tại nước ngoài	
80	Lý Vĩ	Ân	15/09/1998	Di truyền học	30/2020	Cao học	VNU-EPT	207
81	Trần Thu	Anh	02/06/1998	Khoa học vật liệu	30/2020	Cao học	VNU-EPT	206
82	Vũ Tuấn	Anh	19/05/1998	Hệ thống thông tin	30/2020	Cao học	VNU-EPT	204
83	Bùi Ngô Tôn	Bách	18/05/1998	Vật lý kỹ thuật	30/2020	Cao học	VNU-EPT	239
84	Phan Ngô Chí	Bảo	18/06/1998	Vật lý kỹ thuật	30/2020	Cao học	VNU-EPT	240
85	Tsần Lý Bảo	Châu	06/07/1998	Khoa học môi trường	30/2020	Cao học	VNU-EPT	208
86	Nguyễn Kiều	Dung	22/11/1996	Hóa lý thuyết và Hóa lý	30/2020	Cao học	VNU-EPT	247
87	Bùi Hoàng	Dũng	16/12/1997	Vì sinh vật học	30/2020	Cao học	VNU-EPT	210
88	Bùi Lập	Duy	05/02/1997	Công nghệ sinh học	30/2020	Cao học	VNU-EPT	238
89	Vũ Quốc	Hoàng	10/12/1985	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	30/2020	Cao học	VNU-EPT	254
90	Nguyễn Khánh	Hưng	02/10/1998	Hóa hữu cơ	30/2020	Cao học	VNU-EPT	286
91	Nguyễn Thanh	Huy	09/11/1995	Cơ sở toán cho tin học - Khoa học dữ liệu	30/2020	Cao học	VNU-EPT	258
92	Phạm Anh	Khoa	18/10/1998	Khoa học vật liệu	30/2020	Cao học	VNU-EPT	250
93	Phạm Quốc	Kiệt	09/10/1998	Khoa học môi trường	30/2020	Cao học	VNU-EPT	201
94	Trần Anh	Kiệt	12/11/1997	SHTN - Sinh lý động vật	30/2020	Cao học	VNU-EPT	240

**DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC XÉT CÔNG NHẬN
CHUẨN NGOẠI NGỮ ĐẦU RA SAU ĐẠI HỌC**

(Đính kèm quyết định số 303 /QĐ-KHTN, ngày 21/02/2021 của Trường ĐH Khoa học Tự nhiên)

STT	Họ tên	Ngày sinh	Ngành	Khóa	Bậc ĐT	Ngoại ngữ	Kết quả
95	Phạm Hoài Linh	05/07/1996	Di truyền học	30/2020	Cao học	VNU-EPT	283
96	Nguyễn Hoàng Long	26/01/1998	Vật lý VT&ĐT - Vật lý điện tử Ứng dụng	30/2020	Cao học	VNU-EPT	222
97	Nguyễn Hà Tuyết Minh	11/04/1998	Khoa học vật liệu	30/2020	Cao học	VNU-EPT	214
98	Nguyễn Trần Duy Minh	25/06/1998	Khoa học máy tính	30/2020	Cao học	VNU-EPT	252
99	Phạm Hoàng Minh	20/08/1997	Quản lý tài nguyên và môi trường	30/2020	Cao học	VNU-EPT	211
100	Ngô Minh Nghĩa	03/05/1998	KTĐT - Điện tử - Viễn thông- Máy tính	30/2020	Cao học	VNU-EPT	224
101	Trần Minh Bảo Nghĩa	17/10/1998	Cơ sở toán cho tin học - Khoa học dữ liệu	30/2020	Cao học	VNU-EPT	217
102	Võ Công Phát	27/12/1998	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	30/2020	Cao học	VNU-EPT	229
103	Nguyễn Mạnh Phú	26/10/1998	Cơ sở toán cho tin học - Khoa học dữ liệu	30/2020	Cao học	VNU-EPT	204
104	Hồ Quang Phúc	12/01/1998	KTĐT - Điện tử - Viễn thông- Máy tính	30/2020	Cao học	VNU-EPT	221
105	Võ Hồ Mỹ Phúc	16/11/1998	Di truyền học	30/2020	Cao học	VNU-EPT	286
106	Vũ Thành Nam	16/01/1997	Vật lý kỹ thuật	30/2020	Cao học	VNU-EPT	301
107	Lê Tấn Quy	24/09/1995	Sinh thái học	30/2020	Cao học	VNU-EPT	308
108	Huỳnh Thanh Sơn	27/11/1998	Cơ sở toán cho tin học - Khoa học dữ liệu	30/2020	Cao học	VNU-EPT	213
109	Dư Quốc Thành	08/12/1998	KTĐT - Điện tử - Viễn thông- Máy tính	30/2020	Cao học	VNU-EPT	238
110	Nguyễn Ngọc Thanh Thảo	30/03/1997	SHTN - Sinh lý động vật	30/2020	Cao học	VNU-EPT	248
111	Nguyễn Minh Thịnh	16/02/1997	Khoa học máy tính	30/2020	Cao học	VNU-EPT	212
112	Trần Thị Minh Thư	02/12/1998	Vi sinh vật học	30/2020	Cao học	VNU-EPT	265
113	Hồ Quốc Trung	05/01/1998	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	30/2020	Cao học	VNU-EPT	289
114	Phan Thanh Tùng	21/05/1998	Vật lý kỹ thuật	30/2020	Cao học	VNU-EPT	205

**DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC XÉT CÔNG NHẬN
CHUẨN NGOẠI NGỮ ĐẦU RA SAU ĐẠI HỌC**

(Đính kèm quyết định số 803 /QĐ-KHTN, ngày 26/02/2021 của Trường ĐH Khoa học Tự nhiên)

STT	Họ tên		Ngày sinh	Ngành	Khóa	Bậc DT	Ngoại ngữ	Kết quả
115	Ngô Phan Minh	Vũ	03/07/1998	Công nghệ sinh học	30/2020	Cao học	VNU-EPT	211
116	Nguyễn Thanh	Vy	22/11/1998	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	30/2020	Cao học	VNU-EPT	201
117	Lê Bùi Chí	Vỹ	25/08/1998	Khoa học vật liệu	30/2020	Cao học	VNU-EPT	203
118	Phan Thanh	Xuân	12/09/1998	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	30/2020	Cao học	VNU-EPT	234

